

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 312/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 11 năm 2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Minh Giới**

2. Ông **Huỳnh Văn Năm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Chí Công** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 773/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 590/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1963.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1967.

Cùng trú tại: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn từ chối tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà D chung sống với nhau từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện, nhưng ông và bà D không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, bà nhận thấy cuộc sống của vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được nữa nên yêu cầu được ly hôn với bà D

Về con chung: Giữa ông và bà D có 03 người con chung tên Võ Hoàng L, sinh năm 1988 và Võ Yến N, sinh năm 1990 và Võ Hoàng K, sinh năm 1996. Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Ông xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, ông T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định; đồng thời ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D từ chối nhận văn bản tố tụng và đồng thời từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị D có nơi trú tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Võ Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; đối với bà Nguyễn Thị D từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án; căn cứ theo khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà D theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau thì ông T và bà D không có đăng ký kết hôn; đồng thời, ông T cũng xác định vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1994 không có đăng ký kết hôn; mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký theo quy định nên việc kết hôn không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay, ông T yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân giữa ông T và bà D có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] Về con chung: Có 03 người con chung tên Võ Hoàng L, sinh năm 1988 và Võ Yến N, sinh năm 1990 và Võ Hoàng K, sinh năm 1996. Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Ông T xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Thám phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Võ Hoàng L, sinh năm 1988 và Võ Yến N, sinh năm 1990 và Võ Hoàng K, sinh năm 1996. Hiện các cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Ông Võ Minh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Võ Minh T đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008900 ngày 08/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lâm Thành Quang